Quyển 9 (Kinh số 230 - 255)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

QUYỂN 9 247

QUYÊN 9 230. TÔN GIẢ TAM-DI-LY-ĐÈ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề12 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên và thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Nói về thế gian, vậy thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-ly-đề: Đó chính là mắt, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Khi ý duyên với pháp sanh ra ý thức, ba thứ này hòa hợp gọi là ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, đây gọi là thế gian. Vì sao như vậy? Vì sáu nhập xứ tập khởi thì xúc tập khởi... (như thế cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Này Tam-di-ly-đề! Nếu không có mắt, không có sắc, không có nhãn thức, không có nhãn xúc, không có nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui; không có tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý thức, ý xúc, ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thì không có the gian, cũng không có khái niệm về thế gian. Vì sao như vậy? Vì sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt... (như thế cho đến) toàn bộ khối khổ lớn diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh nói về thế gian ở trên, các kinh nói về chủng sanh hoặc ma quỷ, đức Phật cũng nói giống như vậy. ***

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.230. 0056a24). Tham chiếu: s. 35.65-68 - IV. 38-9. 2 Tam-di-ly-đề (,Samiddhi).

248 KINH TẠPA-HÀM

231. THẾ GIAN MONG MANH3 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi qua một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Nói về thế gian thì thế nào gọi là thế gian? Phật bảo Tam-di-ly-đề: -Mong manh, dễ tan vỡ, đó gọi là thế gian. Thế nào là mong manh, dễ tan vỡ? Này Tam-di-ly-đề! Mắt là pháp mong manh, dê tan vỡ. Các pháp như săc, mắt nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, thảy đều là pháp mong manh, dễ tan vỡ. Tai, mũi5 lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Đó là những pháp mong manh, dễ tan vỡ cho nên gọi là the gian. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

232. TÁNH KHÔNG4 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Thế gian được nói là trống không. Tại sao gọi thế gian là trống không? Phật bảo Tam-di-ly-đề: Mắt là

không. Pháp không là thường hằng, không biến đổi, những gì thuộc về ngã cũng là không. Vì sao như vậy? Vì tự tánh của nó là như vậy. Các pháp như sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, chúng đều là không. Pháp không là thường hằng, không biến đổi, những gì thuộc về ngã cũng là không. Vì sao vậy? Vì tự tánh của nó là như vậy. ...v , Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng lại như thê. Đó gọi là thê gian trống không.

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.231. 0056bll). Tham chiếu: s. 35.82 - IV. 52. 4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.232. 0056b21). Tham chiếu: s. 35.85 - IV. 54.

Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Tam-di-ly-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

233. CON ĐƯỜNG DIỆT TÀN THÉ GIAN5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳdà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi của thế gian, sự diệt tận của thế gian và con đường đưa đến sự diệt tận thế gian. Các thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Thế nào là thế gian? Đó là sáu căn.6 Những gì là sáu? Đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Đây là sáu căn.7 Thế nào là sự tập khởi của thế gian? Đó là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai,8 đi cùng với hỷ tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia. Thế nào là sự diệt tận của thế gian? Là khát ái dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai, đi cùng với hỷ tham rồi đắm trước chỗ này chỗ kia đã bị đoạn sạch hoàn toàn, đã buông xả, đã nhổ bỏ? đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, tịch tĩnh, vắng lặng. Thế nao là con đường đưa đến sự diệt tận của thế gian? Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

234. TẢN CÙNG THẾ GIỚI9
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.
5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.233. 0056c02). Tham chiếu: s. 12.44 - II. 73; s. 35.107-IV. 87. • 6 Nguyên tác: Lục nội nhập xứ ().Tạp.(r.02. 0099.68. 0018a24) ghi là Tục nhập xứ"( ).Xứ (,ãyatanà)'. Cơ sở, nền tảng, nguồn cội, căn. 7 Xem thêm Tạp.(7.02. 0099.892. 0224026). 8 Nguyên tác: Đương lai hữu ái ();Tham chiếu: ủc-già trưởng giả kinh M(7.01. 0026.38. 0673a06): Khát ái này sẽ dẫn đến sự hiện hữu ở tương lai (,tanhāya ponobbhavikāya). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.234. 0056c12). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.1307.Ồ359aioj; s. 2.26 -1. 142; s. 35.116 - IV. 93; 4 4.45 - II. 47; A. 4.46 II. 49.

Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: -Ta không cho rằng con người có thể đi đến tận cùng thế giới và Ta cũng không cho rằng, không phải đi đến tận cùng thế giới mà có thể vượt thoát khổ đau.10 Nói như vậy rồi đức Thế Tôn vào thất tọa thiền. Sau khi Thế Tôn rời di, có nhiều Tỳ-kheo bàn luận với nhau: "Vừa rồi đức Thế Tôn nói pháp một cách vắn tắt rằng: 'Ta không cho rằng con người có thể đi đến tận cùng thế giới và Ta cũng không cho rằng, không phải đi đen tận cùng thế giới mà có thể vượt thoát khổ đau/Nói như vậy rồi Ngài vào thất tọa thiền. Hiện tại, chúng ta vân chưa hiêu rõ giáo pháp mà Thê Tôn đã nói văn tát. Trong chư vị Tôn giả, ai là người có thê giảng rộng ý nghĩa giáo pháp mà Thê Tôn đã nói một cách vắn tắt cho chúng ta?" Rồi họ lại nghĩ: “T6n giả A-nan là người thường hầu cận Thế Tôn, thường được đấng Đại sư khen ngợi là người thông minh và Phạm hạnh. Chỉ có Tôn giả ấy mới có thể giảng rộng nghĩa lý giáo pháp mà Thế Tôn đã nói vắn tắt cho chúng ta. Bây giờ, chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan để thỉnh cầu Tôn giả áy giảng giải. Nghĩ thế rồi, nhiều Tỳ-kheo cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi nhau xong, họ ngồi qua một bên rồi đem những việc trên hỏi Tôn giảA-nan. Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: r __ 5 r Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Tôi sẽ vì các thây mà giảng nói. Nêu là the gian thì tên gọi thế gian, sự hiểu biết của thế gian, ngôn từ thế gian, lời nói thê gian, những điêu này đêu thuộc vào quy luật thê gian. Thưa các Tôn giả! Như mắt là thế gian, đó là tên gọi thế gian, sự hiểu biết của thế gian, ngôn từ thế gian, lời nói thế gian, những điều này đều thuộc vào quy luật thế gian. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Nếu vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, tai họa và sự xuất ly của sáu căn này, đó gọi là vi Thánh đệ tử đi đến tận cùng the giới, biết thế gian, được thế gian tôn trọng và vượt qua thế gian. Roi Ton giả A-nan noi kệ: Chẳng phải bằng đoi chân, Đen tận cùng thế giới, Chẳng tận cùng thế giới, Không thể thoát khổ đau. Thế nên đức Mâu-ni, Gọi người biết thế gian, Đen tận cùng thế giới, Là đã lập Phạm hạnh. LT' •r9 J À f 9 Tân the giới chỉ có5 Chánh trí mới thật rõ, Giác ngộ thấu thế gian, Nên nói đến bờ kia.

10 Tham chiếu: s. 35.116 - rv. 93: 'Ta tuyên bố rằng sự tận cùng thế giới không thể biết, không thể thấy, không thê đạt được băng cách đi đên tận cùng thế giới. Ta cũng không tuyên bố rằng, này các Ty-kheo, sự châm dứt đau khô có thê làm được bằng cách đạt đến sự tận cùng thê giới,, (HT. Thích Minh Châu dịch).

QUYỂN 9 251

Như thế, này các Tôn giả! Vừa rồi, đức Thế Tôn nói pháp một cách vắn tắt xong thì vào tịnh thất tọa thiền. Nay tôi đã vì các thầy mà nói rộng nghĩa lý ấy. Tôn giả A-nan nói rõ nghĩa lý này xong, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả giảng giải đều hoan hỷ phụng hành. ***

235. CÓ THÀY, CÓ ĐỆ TỬ11 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: - Có thầy, có đệ tử gần gũi là nỗi Idiổ của đời sống độc cư;11 12 không thầy, không đệ tử gần gũi là an lạc của đời sống độc cư. Thế nào gọi là có thầy, có đệ tử gần gũi là nỗi khổ của đời sống độc cư? Đó là khi mắt duyên với sắc sanh ra tri giác xấu ác, bất thiện, đi cùng với tham, sân, si. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành theo những pháp đó thì gọi là sống có thầy.

Nếu sống với một phần của những phẩm chất đó thì gọi là sống gần gũi với đệ tử.13 Đôi với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giông như vậy. Đó gọi là có thây, có đệ tử gần gũi là nỗi khổ của đời sống độc cư. Thế nào gọi là không thầy, không đệ tử gần gũi là an lạc của đời sống độc cư? Nghĩa là khi mắt duyên với sắc sanh ra tri giác xấu ác, bất thiện, đi cùng với tham, sân, si. Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành theo thì gọi là sống không thầy; nếu sống không nương tựa vào những pháp đó thì gọi là sống không gần gũi với đệ tử. Đó gọi là không thây, không đệ tử gân gũi là an lạc của đời sông độc cư. Nếu Tỳ-kheo nào không thầy, không đệ tử gần gũi thì Ta nói họ được phước Phạm hạnh. Vì sao như vậy? Vì không thầy, không đệ tử gần gũi thì Tỳ-kheo ây đã xây dựng Phạm hạnh nơi Như Lai, có khả năng diệt khô hoàn toàn và dứt hết nguyên nhân của khổ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

11 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(V02. 0099.235. 0057al6). Tham chiếu: s. 35.151 - IV. 136. 12 Nguyên tác: Độc tru (),chỉ cho việc sống một mình ở nơi thanh vắng. Theo s. 35.151 - IV. 136 gọi là sống Phạm hạnh (Brahmacariyarn vussati). 13 Nguyên tác: Ư thừ biên trú giả ().Theo s. 35.151 - IV. 136: Antassa vasanti pāpakā akusalā dhammāti. Tasmā santevāsikoti vuccati (Các ác, bất thiện pháp nội trú trong vị ấy. Do vậy, được gọi là có đệ tử nội trú), HT. Thích Minh Châu dịch.

252 KINH TẠPA-HÀM _____

236. KHẤT THỰC THANH TỊNH14 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân rồi mang tọa cụ vào rừng ngồi thiền buổi trưa. Tọa thiền xong, Tôn giả đến chỗ đức Thế Tôn, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn hỏi Xá-lợi-phất: - Thầy từ đâu đến? Ton gia đáp: Bạch Thế Tôn! Con từ chỗ ngồi thiền buổi trưa ở trong rừng xong thì đến đây. Phật lại hỏi: -Hôm nay, thầy an trú trong loại thiền nào? Tôn giả thưa: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay, khi ở trong rừng, con đã an trú vào thiền Không tam-muội. Đức Phật khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Xá-lợi-phất! Hôm nay, thầy đã an trú và thực hành thiền của bậc Đại nhân. Nếu các Tỳ-kheo muốn an trú và thực hành thiền của bậc Đại nhân thì phải học như vầy: “Khi vào thành, hoặc khi đi khất thực, hoặc lúc ra khỏi thành, cần nên suy nghĩ như vầy: 'Hôm nay, mắt ta thấy sắc có ;. k k , khởi tâm ham muôn, yêu mên, đăm nhiêm chăng?9 Này Xá-lợi-phất! Khi Tỳ-kheo quán niệm như thế, nếu các sắc do mắt nhận biết mà còn yêu mến đắm trước thì Tỳ-kheo ấy vì muốn đoạn tâm xấu ác, bất thiện ấy nên chuyên cần tìm cầu phương tiện, khéo léo buộc niệm để tu học. Ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, vì muốn dập tắt lửa nên phải nhanh chóng dùng mọi cách để dập tắt lửa. Tỳ-kheo kia cũng lại như thế, phải nhanh chóng chuyên cần tìm cầu phương tiện buộc niệm để tu học. Nêu đang đi trên đường, hoặc đang đi khát thực trong thôn xóm, hoặc đã ra khỏi thôn x6m, trong khoảng thời gian đó, Tỳ-kheo quán sát mà thấy các sắc do mắt nhận biết không có niệm ái nhiễm đắm trước, Tỳ-kheo ấy hãy an trú vào căn lành này với niềm hỷ lạc để ngày đêm tinh cần buộc niệm tu tập

hơn nữa. Đây gọi là Tỳ-kheo trong khi đi, đứng, nằm, ngồi làm cho hạnh khất thực được thanh tịnh. Cho nên, kinh này gọi là Khất thực thanh tịnh.

14 Tựa đề Phật dạy ở cuối kinh. Tạp.(r.O2. 0099.236. 0057bỌ3). Tham chiếu: Tăng. if (T.02. 0125.45.6. 0773ỒỒ20); M. 151, Pindapātapārisuddhi Sutta {Kinh khát thực thanh tịnh).

QUYỂN 9 253

Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

237. THANH TỊNH HOÀN TOÀN15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ ở giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Khi ấy, có trưởng giả tên úc-cù-lũ16 đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Bạch Thế Tôn! Tại sao có Tỳ-kheo đạt được thanh tinh hoàn toàn17 ngay trong hiện tại? Tại sao có Tỳ-kheo không đạt được thanh tịnh hoàn toàn ngay trong hiện tại? Phật đáp: -Nêu Tỳ-kheo nào đôi với những sác được nhận thức bởi măt mà yêu thích đắm trước, do vì yêu thích đắm trước cho nên thường lệ thuộc vào nhận thức đó và bị chúng trói buộc, bị chấp thủ. Vì chấp thủ nên không đạt được thanh tinh hoàn toàn ngay trong hiện tại. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Nếu Tỳ-kheo nào đối với những sắc được nhận thức bởi mắt mà không yêu thích đắm trước, do vì không yêu thích đắm trước nên không lệ thuộc vào nhận thức đó, không tiếp xúc, không dính mắc, không chấp thủ. Do không chấp thủ nên những Tỳ-kheo này đạt được thanh tịnh hoàn toàn ngay trong hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Thế nên, này trưởng giả, có Tỳ-kheo đạt được thanh tịnh hoàn toàn ngay trong hiện tại và cũng có Tỳ-kheo không đạt được thanh tinh hoàn toàn ngay trong hiện tại. Tương tự kỉnh Thanh tinh hoàn toàn,18 kinh A-nan hỏi và kinh Phật tự nói cho các Tỳ-kheo cũng nói giống như vậy. ***

238. NHÂN DUYÊN19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hâu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.237. 0057Ò28. Tham chiếu: s. 35.118 - IV. 101; S. 35.124- IV. 109;k 35.125 -IV. 109; S. 35.126-IV. 110; s. 35.128 -IV. 113; s. 35.131 -IV. 116. 16 úc-cù-lũ ,Uggā còn gọi là úc-già . 17 Nguyên tác: Bát-niết-bàn Parinỉrvânà'. Hoàn toàn thanh tịnh, viên tịch, tịch tĩnh... 18 Nguyên tác: Trưởng giả sở vấn kinh tức là kinh 237, vì kinh này đặt lại tựa đề dựa theo nội dung. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.238. 0057cl4.

Khi ấy, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: - Bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà sanh ra nhãn thức? Do nhân gì, duyên gì mà sanh ra nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức? Phật đáp: -Do mắt duyên với sắc mà sanh ra nhãn thức. Vì sao như vậy? Vì nhãn thức được sanh ra là do mắt duyên với hết thảy hình sắc. Do tai duyên với âm thanh, mũi duyên với mùi hương, lưỡi duyên với vị và ý duyên với pháp mà sanh ra ý thức. Vì sao như vậy? Vì những gì được nhận biết bởi ý đều do ý

duyên với pháp mà sanh ra. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là nhân duyên sanh ra nhãn thức... (cho đên) nhân duyên sanh ra ý thức. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ rồi lui ra. ***

239. KIẾT SỬ VÀ PHÁP KIẾT sủ20 Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về những pháp bị kiết sử trói buộc và pháp kiết sử. Thế nào là những pháp bị kiết sử trói buộc? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là những pháp bi kiết sử trói buộc. Thế nào là pháp kiết sử? Chính là dục tham,21 đó gọi là pháp kiết sử. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

240. CHẤP THỦ22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.239. 0057c24). Tham chiếu: s. 35.109 - IV. 89; S. 35.122 -IV. 107. 21 Dục tham ()là 2 yếu tố, gồm dục (,kāmā) và tham (,rāgā). 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.240. 0058a01). Tham chiếu: s. 35.110 - IV. 89; S. 35.123 - IV. 108.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói về những pháp bị chấp thủ và pháp chấp thủ. Thế nào là những pháp bị chấp thủ? Đó là mắt và sắc, tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Đó gọi là những pháp bị chấp thủ. Thế nào là pháp chấp thủ? Chính là dục tham, đó gọi là pháp chấp thủ. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

241. THÀ CHỊU NUNG ĐÓT23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Ty-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà lấy lửa nung cháy que đồng rồi đem thui con mắt của mình khiến nó bi cháy thiêu, chứ không nên đê cái biêt của mát đăm nhiêm vào sác tướng, châp thủ theo sác tướng tốt đẹp. Vì sao như vậy? Vì đắm nhiễm vào sắc tướng, chấp thủ theo sắc tướng tốt đẹp là rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bi chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà nung dùi sắt rồi đem khoan lỗ tai của mình, chứ không nên để cái biết của tai đắm nhiễm vào âm thanh, chấp thủ theo tiêng hay. Vì sao như vậy? Vì đăm nhiêm vào âm thanh, châp thủ theo tiếng hay thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bi chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà dùng dao bén cắt đứt mũi của mình, chứ không để cái biết của mũi đắm nhiễm hương thơm, chấp thủ theo hương thơm. Vì sao như vậy? Vì đắm nhiễm hương thơm, chấp thủ theo hương thơm thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bị chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà dùng dao bén cắt đứt lưỡi của mình, chứ không đê cái biêt của lưỡi đăm nhiêm mùi vị, chân thủ theo vi ngon. Vì sao như vậy? Vì đăm nhiêm mùi vị, châp thủ theo vi ngon thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác5 giống như thỏi sắt bị chìm. Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà lấy cây sắt nhọn, lấy cây giáo bén đâm vào thân thể của minh, chứ không

để cái biết của thân đắm nhiễm vào sự xúc chạm, chấp thủ theo sự xúc chạm êm ái. Vì sao như vậy? Vì đam nhiễm vào sự xúc chạm, chấp thủ theo sự xúc chạm êm ái thì khi qua đời sẽ rơi vào đường ác, giống như thỏi sắt bị chìm. Này các Tỳ-kheo! Ham mê ngủ nghỉ là sinh hoạt của người ngu, là lối sống của người ngu, không có lợi, không có phước. Thế nhưng, này các Tỳ-kheo!

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.241. 0058a07). Tham chiếu: s. 35.235 - IV. 168.

Thà vùi đầu vào việc ngủ nghỉ còn hơn đối với sắc kia mà khởi lên ý niệm mong cầu. Nếu người nào khởi lên ý tưởng mong cầu thì ắt sanh ra các trói buộc, tranh chấp, có thể khiến nhiều người làm việc phi nghĩa, không lợi ích an lạc cho trời và người. Vị Thánh đệ tử đa văn nên học như thế này: “Nay ta thà nung giáo sắt đâm thủng con mắt mình chứ không để cái biết của mắt đắm nhiễm vào sắc tướng, rơi vào ba đường ác, mãi mãi chiu khô đau. Từ hôm nay, ta sẽ chánh tư duy: 'Quán sát mắt là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu sắc, mắt và thức hòa hợp thì gọi là nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thảy cũng đều là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh.'" Đối với tai, mũi, lưỡi, thân nhập xứ cũng học như thế. "Thà lấy giáo sắt đâm thân the của mình, chứ không the đe cái biết của thân đam nhiễm vào sự xúc chạm, chạy theo sự xúc chạm êm ái mà rơi vào ba đường ác. Từ hôm nay, ta sẽ chánh tư duy: 'Quán thân là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh. Nếu xúc, thân và thức hòa hợp thì gọi là thân xúc, thân xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui thảy cũng đều là pháp hữu vi, vô thường, do tâm duyên sanh.'" Thánh đệ tử đa văn nên học như vầy: "Ham ngủ là cách sống của người ngu, là loi song của người ngu, không công quả, không lợi ích, không có phước. Ta sẽ không ham mê ngủ nghỉ cũng không khởi lên ý tưởng mong cầu. Người nào khởi lên ý tưởng mong cầu thì ắt sanh ra các trói buộc, tranh chấp, có thể khiến nhiều người làm việc phi nghĩa, không lợi ích, không an lạc." Vị Thánh đệ tử đa văn quán như thế thì ngay nơi mắt sẽ sanh nhàm chán. Các pháp như sắc, mắt và thức hòa hợp gọi là nhãn xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, cũng đêu sanh nhàm chán. Vì nhàm chán cho nên không ưa thích, vì không ưa thích nên được giải thoát, giải thoát tri kiến: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc can làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

242. THẤY BIÊT ĐỂ ĐOẠN TẢN KHÔ24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.242. 0058b21). Tham chiếu: s. 35.111 - IV. 89; S. 35.112-IV. 90.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu người nào mà không nhận biết rõ ràng, không hiểu rõ đầy đủ, không đoạn trừ, không từ bỏ ham muốn đối với mắt thì không thể đoạn tận khổ đau hoàn toàn. Đôi với măt mà nhận biêt rõ ràng, hiên rõ đây đủ, đoạn trừ, từ bỏ ham muốn thì mới đoạn tận khổ đau hoàn toàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự bổn bài kinh nói về cho đến các bài kỉnh nói về tai, mũi, . * 9 r lưỡi, thân và ỷf tông cộng có hai mươi bôn kỉnh cũng nói giông như vậy. ***

243. VỊ NGỌT CỦA MẮT25 2627 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Này các Tỳ-kheo! Những ai tìm cầu vi ngọt nơi mắt,27 nên biết đó là Samôn, Bà-la-môn không được tự tại, không thoát khỏi tay ma, bị ma trói buộc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn không tìm câu vị ngọt nơi mat, nên biêt Sa-môn5 Bà-la-môn ây không tùy thuộc ma, thoát khỏi tay ma, không bị ma trói buộc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh nói vê Vỉ ngọt, các kinh nói vê sự Vui mừng, Khen ngợi, Đam nhiễm, Co chấp, Ưa thích, Ganh ghét, đức Phật cũng giảng nói như the. Và tương tự như vậy, bảy kinh vê Căn bên trong và bảy kỉnh vê Cảnh bên ngoài, đức Phật cũng nói giống như trên. ***

244. MÓC CÂU CỦA MA28 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Trùng Các, bên ao Di Hầu, thuộc nước Tỳ-xá-ly.

25 Nguyên tác: Như nhãn tứ kinh ().Theo ngài Ấn Thuận trong Tạp A-hàm kinh luận hội biên (y.30. 02. 0291al2), 4 bài kinh này chưa thể xác định. 26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.243. 0058b27). Tham chiếu: s. 35.15-18-IV. 8-12. 27 Nguyên tác: Nhãn vị ().Tham chiếu: s. 35.15-18 - IV. 8-12: Cakkhu... assādapariyesanarn acarim (sống tìm cầu vị ngọt... của mắt). Bản Hán dường như bỏ chữ tìm cầu (pariyesanā), chỉ còn vị ngọt {assadā). 28 Tựa đề đặt theo nội dimg kinh. Tạp.(T.02. 0099.244. 0058c09). Tham chiếu: s. 35.114-15 - IV. 91-2.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có sáu loại móc câu của ma. Những gì là sáu? Mắt đắm vào vị ngọt của sắc, đó là móc câu của ma. Tai đắm vào vị ngọt của âm thanh, đó là móc câu của ma. Mũi đắm vào VỊ ngọt của mùi thơm, đó là móc câu của ma. Lưỡi đăm vào vi ngọt của vị, đó là móc câu của ma. Thân đam vào vị ngọt của xúc chạm, đó là móc câu của ma. Ý đắm vào vị ngọt của pháp, đó là móc câu của ma. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mắt đắm vào vị ngọt của sắc tướng nên biết Sa-môn, Bà-la-môn ấy bị móc câu của ma móc vào yết hầu, lệ thuộc vào ma, không được tự tại. Kỉnh đức Phật nói về cấu uế và thanh tịnh, chi tiết như trên đây. ***

245. BÓN PHẨM PHÁP29

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại thôn Điều Phục Bác Ngưu30 của những người Câu-lâu.

pv Ấ • \ rynl X r-p /V 17 r r-p y j 1

Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, nghĩa lý tót đẹp, câu chữ chính xác, thuân nhát thanh tinh, Phạm hạnh trong sạch, đó là Kỉnh bon phẩm pháp. Hãy lang nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ thuyết giảng cho các thầy. Kinh bốn phẩm pháp gồm những gì? Có những sắc do mắt nhận biết đáng yêu, đáng nhớ, đáng thích, đáng say đăm. Tỳ-kheo thây sác ây liên vui vẻ? khen ngợi, đắm trước, chấp chặt vào đó. Có những sắc do mắt nhận biết không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng đắm trước, chán ngán bởi khổ. Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi liền nổi giận, oán hận, chán ghét, xem thường. Tỳ-kheo như thế sẽ bi lệ thuộc vào ma, không được tự tại, cho đen không được giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Có những sắc do mắt nhận biết đáng yêu? đáng nhớ, đáng thích, đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi nhưng an nhiên,31 không khen ngợi, không ưa thích, không say đắm, không chấp chặt vào đó. Có những sắc do mắt nhận biết không đáng yêu, không đáng nhớ, không đáng ưa thích, không đáng say đắm. Tỳ-kheo thấy sắc ấy rồi không nổi giận, không oán hận, không chán ghét, không xem thường. Tỳ-kheo như thế sẽ không lệ thuộc vào ma, được tự tại,

29 Tựa đề đức Phật dạy trong kinh. Tạp.r.02. 0099.245. 0058cl7. Tham chiếu: s. 35.114 - IV. 91; S. 35.115-IV. 92. ^Điều Phục Bác Ngiru tụ lác ,cách dịch khác chỉ cho địa danh Kiếm-ma-sắt-đàm ,Kammāsadamma, một thị trấn của người Câu-lâu ,Kuru. 31 Nguyên tác: Tri hỷ .Hỷ muditā là tâm hoan hỷ, tùy hỷ, là một trong 4 tâm vô lượng.

cho đến được giải thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giông như vậy. Đây gọi là Kinh bốn phẩm pháp của Tỳ-kheo. ***

246. MABA-TUẦN32 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, Thiên ma Ba-tuần khởi nghĩ rằng: "Sáng nay, Sa-môn Cù-đàm đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khát thực. Bây giờ, ta sẽ đên nhiêu loạn đạo tâm của ông ấy." Nghĩ rồi, Ma Ba-tuần hóa làm người đánh xe cầm roi đi tìm bò. Thiên ma mặc đồ rách rưới, đầu bù tóc rối, tay chân sần sùi khô nứt, tay cầm roi chăn bò? đến trước Thế Tôn rồi hỏi: - Cù-đàm có thấy con bò của tôi không? Đức Thế Tôn nghĩ: "Đây là Ác ma, muốn đến nhiễu loạn Ta", liền nói với Ác ma: Này Ác ma! Chỗ nào có bò? cần bò để làm gì? Ma liền nghĩ: uSa-môn Cù-đàm biết ta là ma", liền bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Xúc xứ của mắt33 là xe của tôi. Xúc xứ của tai, mũi, lưỡi, thân và ý là xe của tôi. Ác ma lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, Ngài muốn đi đâu? Phật bảo Ác ma: Ngươi có mặt ở nơi xúc xứ của mát và xúc xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nơi không có xúc xứ của mắt và không có xúc xứ của tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì ngươi không thê đên được, còn Ta thì đi đên nơi đó. Bấy giờ, Thiên ma Ba-tuần liền nói kệ: Nơi nào thường có ngã, Thì đó là của ta, Tất cả lệ thuộc ta, Cù-đàm ở chốn nào? Thế Tôn dùng kệ đáp lại: Nếu ai nói có ngã, Kẻ ấy thật sai làm, Cho nên biết Ba-tuần, Tự rơi vào bế tắc.

32 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r.02. 0099.246. 0059a03. Tham chiếu: s. 4.24 - L 124. 33 Nguyên tác: Nhãn xúc nhập xứ ,còn gọi là 4txúc xứ".phassãyatanãnà , là nền tảng, căn cứ của sự tiêp xúc.

Thiên ma lại nói:
Nếu nói rằng biết đạo, An ổn đến Niết-bàn,
Ngài tự đi một mình, Dạy người chang nhọc sao?
Thế Tôn dùng kệ đáp lại:
Nếu người cầu lìa ma, Hỏi đường qua bờ giác,
Vì họ bình đẳng nói, Lời chân thật hoàn toàn,
Siêng tu, không buông lung, Được lìa ma, tự tại.
Thiên ma lại nói:
Miếng đá tợ miếng thịt, Quạ đói đên muôn ăn,
Tưởng miêng thịt mem ngon, Sẽ lấp đày bụng trống,
Nào ngờ ăn chang được, Gãy mỏ đành bay đi.
Nay ta giống như quạ, Cù-đàm tợ đá kia,
Chẳng được, thẹn mà di, Như quạ hoang vô vọng.
Trong lòng buồn bã đau đớn, Ma Ba-tuần liền biến mất, không quay trở lại.34
***

247. QUEN GÀN GŨI35 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: -Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn nào mà mắt quen gần gũi với sắc sẽ bị ma khống che và chi phoi,36 cho đen không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Nêu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà măt không quen gân gũi với sác sẽ không bị ma khống chế và chi phối, cho đến thoát khỏi sự trói buộc của ma. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Tương tự như kỉnh Quen gần gũi, cũng vây, các kinh nói về sự Trói buộc, Đam trước, Vỉ ngọt, Thôn xóm, Sai sử, Thọ trì, Trói chặt, Của ta, Mong cầu, Tham muốn, Thuần thục, Nồng hậu cũng nói giống như vậy. ***

34 Câu chuyện con quạ, hòn đá, miếng thịt còn được tìm thấy trong Sn. 74. Câu kết trong bản Hận và Sn. 74 vôn được xép chung trong bài kệ của Ma Ba-tuần. Bản Việt tách câu kết ra khỏi thể kệ để tiện theo dõi. 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.247. 0059Ò08). 36 Nguyên tác: Tùy ma sở tự tại (mãravasãnugã)'. Bị ma khống chế và chi phối.

248. TÔN GIẢ ĐẠI THUẢN-ĐÀ3738 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Kê Lâm,38 thuộc nước Ba-trá-lợi-phấtđa-la.39 Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Đại Thuần-đà,40 cùng nhau hỏi thăm xong, Tôn giả A-nan ngồi xuống một bên và nói: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả

Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: -Tùy theo câu hỏi của Tôn giả, tôi biết điều gì sẽ trả lời! Tôn giả A-nan hỏi: Như Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết đã nói rằng sắc do bốn đại tạo thành. Ngài đã chỉ bày, đã hiển thị rằng, sắc do bốn đại tạo thành này là vô ngã. Đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết cũng nói thức là vô ngã chăng? Tôn giả Thuần-đà nói với Tôn giả A-nan: -Tôn giả là người đa văn bậc nhất. Tôi từ xa đến chỗ Tôn giả là vì muốn hỏi pháp này. Hôm nay, xin Tôn giả nói về nghĩa ấy. Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Thuần-đà: nn • ! nn _ • 9 J.* Á \ • _ 1 J A J _ 9 *1 A • FT-īl *9 Á 4 -Toi hoi Ton gia r điêur này, xin hãy tuy y tra lời. Thưa Ton gia Thuan-da! Phải chăng là có mt, có sac và có nhãn thức? Thưa, đúng như vậy! Tôn giả A-nan lại hỏi: -Phải chăng do mắt duyên với sắc mà sanh ra nhãn thức? Thưa, đúng như vậy! Tôn giả A-nan lại hỏi: -Nêu do mat duyên với sac mà sanh ra nhãn thức thì nhân ay? duyên áy là thường hay vô thường? -Thua, vô thường! r M li* Á -Nhân ây5 duyên ây sanh ra nhãn thức; khi nhân ây, duyên ây vô thường, thay đổi thì thức kia có tồn tại không? Thưa Tôn giả, không tồn tại!

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.248. 0059b17. Tham chiếu: s. 35.193 - IV. 166. 38 Kê Lâm viên Kukkutārāma cũng thường gọi là Kê viên .
39 Ba-trá-lợi-phất-đa-la Pātaliputta cũng gọi là Hoa Thị thành một thành phố thuộc nước Ma-kiệt-đà và hiện nay là thành phô Patna, bang Bihar, An Độ.
40 Đại Thuần-đà Mahā Cunda.

-Ý Tôn giả thế nào? Pháp kia hoặc sanh, hoặc diệt đều có thể biết, vậy vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? Thưa Tôn giả, không nên! Với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp thì ý Tôn giả nghĩ sao? Có ý, có pháp và có ý thức phải không? Thưa Tôn giả, đúng như vậy! Phải chăng do ý duyên với pháp mà sanh ra ý thức? -Thưa Tôn giả, đúng như vậy! Nêu ý duyên với pháp mà sanh ra ý thức, vậy thì nhân ây5 duyên áy là thường hay vô thường? Thưa, vô thường! Nêu như nhân và duyên sanh ra ý thức, khi nhân ây duyên ây vô thường, thay đổi thì ý thức có tồn tại chăng? Thưa Tôn giả, không tồn tại! -Ý Tôn giả nghĩ sao, pháp ấy hoặc sanh, hoặc diệt đều có thể biết, vậy vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau chăng? -Thưa Tôn giả, không nên! Tôn giả A-nan nói với Thuần-đà: Thế nên, thưa Ton giả! Đức Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết nói rằng thức cũng vô thường. Ví như người cầm búa vào núi thây cây chuôi mà cho là có thê làm đô dùng được, liên chặt ngang góc, tước hết lá, lột bẹ để tìm lõi của nó? lột đến tận cùng cũng không thấy chỗ nào chắc thật. Cũng như vậy, vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như thật về nhãn thức, nhi, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Trong lúc quán sát như thật thì vị ấy thấy không có gì đáng chấp thủ, vì không đáng chấp thủ cho nên không bi dính mắc, vì không dính mắc cho nên tự mình chứng ngộ Niết-bàn: "Sịt sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Khi thuyết pháp này, hai vi Tôn giả ấy đều uyển chuyển tùy hỷ rồi mỗi người trở về chỗ của mình. ***

249. CÒN LẠI NHỮNG GÌ?41

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

41 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(—02. 0099.249. 0059c27). Tham chiếu: A. 4.173 - II. 161.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: -Con có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: —Tùy theo câu hỏi của Tôn giả, điều nào biết thì tôi sẽ trả lời! Ton giả A-nan hỏi: Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngimg nghỉ42 thì sáu xúc xứ có còn lại gì chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Chớ hỏi: "Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục? tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ có còn lại gì chăng?,, Ton gia A-nan lại hỏi: Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lăng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ không còn gì nữa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Cũng lại không nên hỏi: "Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục5 tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ không còn gì nữa chng?" Tôn giả A-nan lại hỏi: Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ vừa còn vừa không còn, hay chẳng phải còn chẳng phải không còn gì nữa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Đây cũng không nên hỏi: "Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ vừa còn vừa không còn, hay chẳng phải còn chẳng phải không còn gì nữa chăng?55 Tôn giả A-nan lại hỏi: Như lời Ton giả nói: “Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ rồi thì sáu xúc xứ có còn cũng không nên nói, không còn cũng không nên nói5 vừa còn vừa không còn cũng không nên nói, chẳng phải còn chẳng phải không còn cũng không nên n6i." Vậy điều này có nghĩa là gì? Tôn giả Xá-lợi-phất bảo A-nan: Sau khi đã dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, vắng lặng và ngưng nghỉ thì sáu xúc xứ có còn lại gì chăng, đó là lời hư dối; không còn gì chăng, đó là lời hư dối; vừa còn vừa không còn gì chăng, đó là lời hư dối; chẳng phải còn chẳng phải không còn, đó cũng là lời hư dối.

tác: Tận, ly dục, diệt, tức, một ,,.Tham chiếu: Phân biệt lục giới kinh roi. 0026.162. 0692a18: Tẩn, vô dục, diệt, túc, chỉ ,,.

Nêu nói răng, sáu xúc xứ khi đã được dứt sạch, đã lìa dục, tịch diệt, văng lặng và ngưng nghỉ thì sẽ được lìa các hư ngụy, chứng Niết-bàn hoàn toàn. Đây là lời Phật nói. Khi ây, hai vị Tôn giả đêu uyên chuyên tùy hỷ roi môi người trở vê chô của mình. ***

250. DỤC THAM LÀ sự TRÓI BUỘC43 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi cùng nhau hỏi thăm xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngồi sang một bên và nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi có điều muốn

hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Tùy theo câu hỏi của Tôn giả, điều nào biết thì tôi sẽ trả lời! Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý ngài thế nào? Mắt trói buộc sắc hay sắc trói buộc măt? Tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp... ý trói buộc pháp hay pháp trói buộc ý? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt... (cho đến) chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! ở trong liên hệ đó, nếu có dục tham44 thì đó là trói buộc. Ví như có hai con trâu, một đen, một trắng cùng buộc vào một cái ách, khi có người hỏi rằng: “Trâu đen buộc trâu trắng hay trâu trắng buộc trâu dèn?” Nếu hỏi như thế thì có đúng không? Không đúng, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Chẳng phải trâu đen buộc trâu trang, cũng chẳng phải trâu trắng buộc trâu đen, nhưng ở trong liên hệ đó hoặc cái ách, hoặc sợi dây là những thứ trói buộc. Đúng vậy, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt... (cho đến) chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý mà ở trong liên hệ đó thì dục tham chính là sự trói buộc vậy.

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.250. 0060a22). Tham chiếu: s. 35.232 - IV. 162. 44 Dục tham ()là 2 yếu tố, gồm dục (,kāmā) và tham (,rāgā).

e r Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Nêu măt trói buộc săc5 hoặc sác trói buộc mát... (cho đến) hoặc ý trói buộc pháp, hoặc pháp trói buộc ý thì Thế Tôn đã không dạy mọi người cần phải dựng lập Phạm hạnh để được hết khổ. Do chẳng phải mắt trói buộc sắc, chẳng phải sắc trói buộc mắt... (cho đến) chẳng phải ý trói buộc pháp, chẳng phải pháp trói buộc ý, the nên đức The Tôn mới dạy mọi người cần dựng lập Phạm hạnh để được hết khổ. Ton giả Ma-ha Câu-hy-la! Đối với đức Thế Tôn, khi mắt thấy sắc tốt hoặc sắc xấu đều không khởi dục tham, còn các chúng sanh khác thì nếu mắt thấy sắc tốt hoặc sắc xấu liền khởi dục tham. Do đó, đức Thế Tôn nói cần phải đoạn dục tham thì tâm mới được giải thoát. Khi tai nghe tiếng... (cho đến) ý tiếp xúc Vơi pháp cũng giông như vậy. Bây giờ, hai vị Tôn giả đêu uyên chuyên tùy hỷ roi môi người trở vê chô của mình. *** 251. BIẾT ĐÚNG NHƯ THẬT45 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la cùng ở núi Kỳ-xà quật. Buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Thăm hỏi nhau xong, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la ngồi sang một bên và nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tùy câu hỏi của Tôn giả, điều nào biết thì tôi sẽ trả lời. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la hỏi: Luận về vô minh, vậy thế nào là vô minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Vô minh có nghĩa là không biết. Không biết chính là vô minh. Không biết những gì? Mắt là vô thường mà không biết đúng như thật, đó gọi là không biết. Mắt là pháp sanh diệt mà không biết đúng như thật, đó gọi là không biết. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy.

45 Tựa đề đặttheo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.251. 0060022). Tham chiếu: Đại Câu-hy-la kinh (01. 0026.211. 0790Ò08); M. 43, Mahãvedalla Sutía (Đại kinh

phương quảng)', A 4.175-II. 163.

Như vậy, này Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Đối với sáu xúc xứ này mà không biết như thật, không thấy như thật, không thông đạt, ngu si, mờ mịt, tối tăm, đó gọi là vô minh. [0060c06] Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la lại hỏi: -Luận về minh, vậy thế nào là minh? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: -Minh có nghĩa là biết vậy. Biết chính là minh. Biết về những gì? Mắt là vô thường thì biết như thật mắt là vô thường. Mắt là pháp sanh diệt thì biết như thật mắt là pháp sanh diệt. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như vậy. Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Đối với sáu xúc xứ này mà thấy như thật, biết như thật, tinh tường, tỉnh giác, rõ ràng, sáng suốt, thông đạt, đó gọi là minh. Bấy giờ, hai Tôn giả cùng đàm đạo, uyển chuyển tùy hỷ, sau đó mỗi người trở về chỗ của mình. ***

252. THÁN CHÚ TRỪ RẮN Độc46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, có Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên-na47 đang trú trong hang Đầu Rắn, giữa bãi tha ma của khu rừng Lạnh, dưới chân núi Ca-lăng-già, thuộc thành Vương Xá.4849 Bay giờ, Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang tọa thiền một mình thì có con rắn cực độc, dài khoảng một thước/9 từ trên phiến đá rơi trên người Tôn giả. Ưu-ba- tiên-na liền gọi Tôn giả Xá-lợi-phất báo cho chúng Tỳ-kheo: Có con răn độc rơi trên thân con. Thân con đã bị trúng độc. Các thây hãy mau khiêng thân con ra đe bên ngoài, chớ để cho tấm thân này tan rã như một nắm trấu. Lúc đó? Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi bên một cội cây gần đó, nghe Ưu- ba-tiên-na nói thế, liền vội vã đến chỗ ưu-ba-tiên-na quan sát rồi nói với ưu- ba-tiên-na:

46 Tựa đề đất theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.252. 0060cl4. Tham chiếu: Tùy Dũng Tôn giả kinh T.14. 0505. 0773a03; ỳ 35.69 - IV. 40; Cv. 5.26. 47 ưu-ba-tiên-na ưpasena. Vương Xathanh, Hàn lâm trung tnảng gian, Xà-đầu nham hạ, Ca-lăng-già hành xứ .Theo S. 35.69 - IV. 40:
Rājagahe viharati sītavane sappasondikapabbhāre trú tại Vương Xá, rừng Sītā, hang Đầu Rắn. 49 Nguyên tácXích .Theo Thuyết văn giải tự quyển 8^ vào thời Tây Hán, l thước gồm 10 tấc. về sau, độ dài Ị thước có sự th đổi. Đoạn kinh sau cho biêt độ dài l thước này khoảng băng chiêc thẻ chữa bệnh măt, điêu đó cho thây l thước ở đây chưa tới l mét trong cách hiểu ngày nay.

-Tôi xem thấy sắc diện và các căn của Hiền giả khôĩiệ khác với lúc bình thường, vậy sao nói là trúng độc, nhờ đưa ra ngoài, chớ đe thân của Hiền giả tan rã như một nắm trấu? Rốt cuộc thì như thế nào? Ưu-ba-tiên-na nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Nêu người nào nói như vây: "Mt là ta, là của ta. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý là ta, là của ta. sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là ta, là của ta. Đất là ta, là của ta. Nước, lửa, gió, không và thức là ta, là của ta. sắc uẩn là ta? là của ta. Thọ, tưởng, hành và thức uẩn là ta, là của ta" thi sắc diện và các căn của họ mới có sự thay đoi. Nay con không nói như vậy mà thay rang: Mắt không phải là con, không phải của con... (cho đếri) thức uẩn không phải là con, không phải của con, vì vậy sắc diện và các căn của con không có gì thay đổi.

[0061a04] Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Đúng vậy, Ưu-ba-tiên-na! Nêu Hiền giả vĩnh viễn xa lìa ngã, ngã sở, ngã mạn và kiết sử trói buộc, đã đoạn tận gốc rễ của chúng, giống như chặt ngọn cây da-la, trong đời tương lai hoàn toàn không sanh khởi trở lại thì làm sao mà sắc diện và các căn của Tôn giả biến đổi cho được! Nói xong, Tôn giả Xá-lợi-phất liền xoay người dìu Tôn giả Ưu-ba-tiên-na ra ngoài hang. Sau khi đưa ra khỏi hang, thân thể của Ưu-ba-tiên-na đã ngấm độc nên tan rã như một nắm trấu. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ: Thường gieo ồng Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Hoan hỷ xả mạng căn, Như buông bát thuốc độc. Thường gieo trồng Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Hoan hỷ xả mạng căn, Như người lành bệnh nặng. Thường gieo trồng Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Như ra khỏi nhà lửa, Lâm chung không buôn tiêc. Thường gieo trông Phạm hạnh, Khéo tu bát Thánh đạo, Mắt tuệ nhìn thế gian, Thấy như cay cỏ thối, Không mong cầu thêm nữa, Lại cũng chẳng luân hoi. Sau khi cúng dường thi thể Ưu-ba-tiên-na xong, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Ưu-ba-tiên-na bi một con rắn cực độc nhỏ bằng chiếc thẻ chữa bệnh mắt rơi trúng thân, khiến thân thể Tôn giả tan rã như một năm trâu. Phật bảo Xá-lợi-phất: -Nếu Ưu-ba-tiên-na đọc bài kệ này thì đã không bị trúng độc, thân thể cũng không bị tan rã như một nam trau. Xá-lợi-phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bài kệ tụng ấy như thế nào, lời văn ra sao?

Đức Phật vì Tôn giả Xá-lợi-phất mà đọc bài kệ: Lòng từ luôn nghĩ đến Lại-trá-la kiên cô, Cùng Y-la-bàn-na? Thi-bà-phất-đa-la? Khâm-bà-la thượng mã, Cũng thương Ca-câu-tra, Và cả Hắc Cù-đằm,50 Nan-dà, Bạt-nan-đà.51 Từ những loài không chân, Cho đến loài hai chân, Bôn chân cùng nhiêu chân, Đều khởi lòng thương xót. Từ bi với loài rồng, Loài trên cạn, dưới nước, Cho đến các chúng sanh Đem được, không đếm được. An vui với tất cả, Cũng xa lìa phiền não, Muốn hết thảy đều hiền, Tất cả đừng sanh ác. Thường trong hang Xà-đầu, Loài ác không tụ tập, Thì rắn độc hung ác, Đâu thể hại chúng sanh? Như lời chân thật này, Vô thượng Đạo sư thuyết, Nay ta tụng kệ này, Lời Đạo sư chân thật. Những sinh vật ác độc, Không thể hại thân ta, Tham dục, sân hận, si, Ba độc của thế gian. Nếu ba loại độc này, Trừ dứt, gọi Phật bảo, Pháp bảo diệt ác độc, Tăng bảo cũng không khác. Phá trừ độc hung ác, Nhiếp hộ những người lành, Phật phá tất cả độc, Nay phá nọc độc ran. [0061Ồ18] Rồi tụng chú thuật như vầy: t6Ổ-đam-bà-lệ, đam-bà-lệ? đam-lục, ba-bà-đam-lục9 nại-đế, túc-nại-đế, chỉ-bạt-đế9 văn-na-di, tam-ma-di, đàn-đế5 ni-la-chỉ-thí? bà-la-câu-bế-ổ-lệ, ổ-ngu-lệ, tất-ba-ha." Này Xá-lợi-phất! Nêu khi ấy thiện nam Ưu-ba-tiên-na tụng bài kệ và đọc câu chú thuật này thì chắc chắn rắn độc không rơi trúng thân và thân thể cũng không bị tan rã như một năm trâu. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Tôn giả Ưu-ba-tiên-na chưa từng nghe bài kệ này, chưa từng nghe câu chú thuật này. Hôm nay, đức Thế Tôn nói bài kệ và chú thuật này chính là giúp cho đời sau. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đảnh lễ rồi lui ra. ***

50 Hắc Cù-đàm Kanhāgotamaka dịch nghĩa tên của một loài rắn theo cách chiết tự, Kanha ,Gotamakaṃ J 51 Cv. 5.26 chỉ đề cập đến 4 loại rắn chúa, gồm:

Virūpakkha, Erāpatha, Chabyāputta, Kanhāgotamaka.

QUYỂN 9 269

253. TỲ-NỮU CA-CHIÊN-DIÊN52 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ưu-đà-di53 du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la9 đến thôn Câu-bàn-trà9 trú trong vườn Am-la của nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ- nữu Ca-chiên-diên.54 [0061c02] Bấy giờ, các đệ tử nhỏ tuổi của nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-diên đi nhặt củi trong vườn Am-la, nhìn thấy Tôn giả Ưu-đà-di ngồi bên gốc cây, dung mạo đoan chánh, các căn yên tĩnh, tâm ý an trụ, thành tựu sự điều phục bậc nhất. Thấy rồi, chúng liền đi đến hỏi thăm và ngồi xuống một bên. Khi ấy, ưu-đà-di vì các thiếu niên mà thuyết nhiều bài pháp, khích lệ tinh thần chúng xong Tôn giả ngồi yên lặng. Sau khi nghe Tôn giả ưu-đà-di thuyết pháp, các thiếu niên đã hoan hỷ, tùy hỷ đứng dậy chào ra về. Các thiếu niên ấy gánh củi trở về, đặt củi xuống đất xong, liền đi đến chỗ nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-diên và thưa: Thưa thầy, trong vườn Am-la có Sa-môn Ưu-đà-di dòng họ Cù-đàm đang ở đó. Ngài ấy thuyết pháp rất hay! Nữ Bà-la-môn nói với các thiếu niên: Các con hãy đến mời Sa-môn ưu-đà-di họ Cù-đàm ngày mai đến đây dùng cơm. Các đệ tử niên thiếu vâng lời nữ Bà-la-môn, đi đến chỗ Tôn giả ưu-đà-di thưa: -Tôn giả biết cho, thầy con là nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên- diên mời Tôn giả ngày mai đến dùng cơm. Bấy giờ, Tôn giả ưu-đa-di im lặng nhận lời. Các thiếu niên biết Tôn giả ưu-đà-di im lặng nhận lời rồi, liền trở về thua với nữ Bà-la-môn: Thưa thầy, chúng con đã vâng lời thầy, thỉnh mời Tôn giả ưu-đà-di và Tôn giả đã im lặng nhận lời. Xin thầy biết cho! Sáng sớm hôm sau, Tôn giả ưu-đà-di đắp y, ôm bát đến nhà của nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-diên. Nữ Bà-la-môn trông thấy Tôn giả tò xa đi đến, vội bày tòa mời ngồi, dọn các thức ăn uống, tự tay cúng dường nhiều món ngon. Sau khi thọ thực, rửa tay, rửa bát xong, Tôn giả ưu-đà-di trở lại chỗ ngồi. Nữ Bà-la-môn thuộc dòng Tỳ-nữu Ca-chiên-dien biết Tôn giả ưu-đà-di đã dùng xong, bà đi đôi giày da tốt, lấy khăn che đầu, dáng vẻ kiêu mạn rồi ngồi lên một chiếc ghế cao được đặt riêng. Bà nói với Tôn giả ưu-đà-di: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7.02. 0099.253. 0061Ò29. Tham chiếu: s. 35.133 - IV. 121. 53 ưu-đà-di À, Udāyī. 54 Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thị s. Venukātyāyanasagotn, p. Verahaccānigottāya.

270 KINH TẠP A-HÀM

[0062a02] Tôn giả ưu-đà-di đáp: Thưa cô, hôm nay không đúng lúc! Tôn giả nói như thế xong liền đứng dậy ra đi. Đen sáng hôm sau, các đệ tử lại đến vườn Am-la nhặt củi, nghe pháp và trở về thưa lại với thầy, rồi thầy lại sai đến mời Tôn giả Ưu-đà-di dùng cơm. Ba lần mời dùng cơm và thỉnh pháp như thế đều bi Tôn giả Ưu-đà-di trả lời là "không đúng Tôn giả không chịu thuyết pháp. Các đệ tử trẻ tuổi lại thưa với thầy: -Trong vườn Am-la, Sa-môn Ưu-đà-di thuyết pháp rất hay! Vị thầy đáp: Ta cũng biết ỗnệ ấy thuyết pháp rất hay nên ba lần mời đến, cúng dường và hỏi pháp, nhưng đêu bị từ chối, nói là "không đúng lúc" rồi bỏ đi. Các đệ tử thưa với thầy của họ: Thầy mang

giày tốt, lại lấy khăn che đầu và dáng ngồi không cung kính thì làm sao Tôn giả ấy thuyết pháp được! Vì sao như vậy? Vì Tôn giả Ưu-đà-di kia rất kính trọng pháp, cho nên ngài không nói mà bỏ đi. Vị thầy trả lời: -Nêu đúng như thê thì các con vì ta mà đên mời ngài ây một lân nữa. Các đệ tử vâng lời, lại đi thỉnh cúng dường như trước. Sau khi biết Tôn giả Ưu-đà-di dùng cơm xong, nữ Bà-la-môn liền tháo giày, sửa lại y phục, ngồi xuống một cái ghế thấp rồi cung kính thưa: Thưa Tôn giả! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Ưu-đà-di trả lời: Cô cứ hỏi tự nhiên, tôi sẽ vì cô mà giảng nói. Nữ Bà-la-môn liền hỏi: Có Sa-môn, Bà-la-môn nói khổ, vui do mình tạo; lại có người nói khổ, vui do người khác tạo; lại có người nói kho, vui do mình và người khác tạo; lại có người nói khổ, vui chẳng phải do mình tạo cũng chẳng phải do người khác tạo. Còn theo Tôn giả thì như thế nào? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Thưa cô9 đang A-la-hán55 nói khổ, vui được sanh khởi theo cách khác chứ không nói như the! Nữ Bà-la-môn lại hỏi: Thưa Tôn giả! Nghĩa này thế nào? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Đang A-la-hán nói từ nhân duyên mà sanh ra các khổ, vui.

55 Nguyên tác: A-la-ha .p. Arahā, tức A-la-hán. ở đây chỉ cho đức Phật.

QUYỂN 9 271

Tôn giả ưu-đà-di lại nói với nữ Bà-la-môn: Bây giờ tôi hỏi? cô tùy ý trả lời tôi. Ý cô thế nào, có mắt chăng? -Thưa, có! - Có sắc không? -Thưa, có! Có nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc kho, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? -Có như vậy, thưa Tôn giả! Tôn giả Ưu-đà-di lại hỏi: Có tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ5 hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? - Có như thế, thưa Tôn giả! [0062b01] Tôn giả Ưu-đà-di nói: -Đó là điêu mà đang A-la-hán nói từ nhân duyên nên sanh ra khô, vui. Nữ Bà-la-môn hỏi: Thưa Tôn giả! Như vậy là đấng A-la-hán nói từ nhân duyên ấy mà sanh ra khổ, vui chăng? Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Đúng vậy, nữ Bà-la-môn! Nữ Bà-la-môn lại hỏi: Thưa Tôn giả! Đấng A-la-hán nói như thế nào về sự diệt trừ nhân duyên sanh ra kho, vui, hoặc không kho không vui?56 Tôn giả Ưu-đà-di đáp: Bây giờ tôi hỏi, cô tùy ý trả lời tôi. Này nữ Bà-la-môn! Trong mọi khoảng thời gian, tát cả mat đêu bị diệt hét không còn gì thì có còn nhãn xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? Thưa, không! -Cũng vậy, trong mọi khoảng thời gian, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều bi diệt hết không còn gì thì có còn ý xúc làm nhân duyên sanh ra cảm thọ, cảm thọ bên trong hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui chăng? -Thưa, không!

56 Nguyên tác:, Tham chiếu: s. 12.62 - II. 95: Sukhavedaniyam, bhikkhave, phassam paticca uppajjati sukhavedanã. Tasseva sukhavedaniyassa phassassa nirodhā yam tcyjarn vedayitam sukhavedaniyarn phassam paticca uppannā sukhavedanā sã nirujjhati sā vūpasammati (Nay các Ty-kheo, do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ, nên lạc thọ sanh khởi. Do duyên xục đưa đến cảm giác lạc thọ ấy diệt, nên lạc thọ được khởi lên do duyên xúc đưa đến cảm giác lạc thọ áy diệt, lạc thọ ấy dc chấm dứt), HT. Thích Mirih Châu dịch.

Như thế, này nữ Bà-la-môn! Đây là điều mà đấng A-la-hán đã nói về sự diệt trừ nhân duyên sanh ra khổ, vui, hoặc không kho không vui. Khi Tôn giả Ưu-đà-di nói pháp này, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên xa lìa tran cấu, được pháp nhãn thanh tinh. Bấy giờ, nữ Bà-la-môn Tỳ-nữu Ca-chiên-diên thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, thể nhập giáo pháp, vượt thoát nghi hoặc, không nương ai khác, được vào pháp Phật, ở trong Chánh pháp được vô sở úy. Bà từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cung kính chắp tay thưa với Tôn giả Ưu-đà-di: Ngay từ bây giờ, con xin một lòng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Từ hôm nay, con nguyện quy y Tam bảo cho đến trọn đời. Bấy giờ, Tôn giả ưu-đà-di vì nữ Bà-la-môn mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho bà được hoan hỷ57 rồi đứng dậy ra về. ***

254. TÔN GIẢ NHỊ THẬP ức NHĨ58 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ59 an trú trong núi Kỳ-xà quật, thường tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phàn. Một hôm, đang ngồi tọa thiền một mình, Tôn giả khởi nghĩ: "Ta là một trong những đệ tử Thanh văn chuyên cần của đức Thế Tôn, vậy mà cho đến nay, ta chưa sạch hét các lậu hoặc. Ta vôn là người thiện nam có nhiêu tài sản quý báu, nên chăng ta hãy hoàn tục để hưởng thụ năm dục rồi bố thí rộng rãi để tạo phu&c?” Khi ấy, Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của Nhị Thập ức Nhĩ, liền bảo một vị Tỳ-kheo: - Thầy hãy đến chỗ Nhi Thập ức Nhĩ và bảo là Thế Tôn truyền gọi. [0062c01] Vâng lời Phật dạy, Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Nhi Thập ức Nhĩ và nói răng: -The Ton truyên gọi Hiên giả! Nghe Tỳ-kheo kia nói bậc Đạo sư truyền gọi, Nhị Thập ức Nhĩ liền vội vàng đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên.

57 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(7.02. 0099.92. 0023c 18). 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.254. 0062Ồ22). Tham chiếu: Sa-môn Nhị Thập ức kinh 0.01. 0026.123. 0611c26); Tăng ^(r02. 0125.23.3. 0612al7); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-daphả Tăng sự w(7Í24. 1450.17. 0185c24); A. 6.55 - III. 374. 59 Nhị Thập ức Nhi (Sona).

Thế Tôn bảo Nhi Thập ức Nhĩ: Có phải khi tọa thiền một mình ở nơi thanh vắng, thầy đã khởi lên ý nghĩ như vầy: "Ta là một trong những đệ tử Thanh văn chuyên can của đức Thế Tôn, vậy mà cho đến nay, ta chưa sạch hết các lậu hoặc. Ta vốn là người thiện nam có nhiều tài sản quý báu, nên chăng ta hãy hoàn tục để hưởng thụ năm dục rồi bố thí rộng rãi để tạo phu&c?" Bấy giơ, Nhị Thập ức Nhĩ kinh ngạc sợ hãi, toàn thân rúng động, khởi niệm: "Thế Tôn đã biêt tâm ta", liền bạch Phật: - Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Phật bảo Nhị Thập ức Nhĩ: -Nay Ta hỏi thầy, thầy tùy ý mà trả lời Ta. Này Nhi Thập ức Nhĩ! Lúc còn ở thế tục, thầy đàn rất hay có phải không? - Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! The Ton lại hỏi: Y thây nghĩ sao, khi thây đàn, nêu dây đàn căng quá thì âm thanh có du dương êm dịu chăng? -Thưa không, bạch Thế Tôn! The Ton lại hỏi: -Thế

nào, nếu dây đàn chùng quá thì có phát ra âm thanh du dương êm dịu chăng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn lại hỏi: Thế nào, nếu khéo điều chỉnh dây dàn, không chùng, không căng sẽ phát ra âm thanh hòa nhã du dương chăng? - Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Phật bao Nhị Thập ức Nhĩ: Người tinh tấn thái quá thì tăng thêm trạo hối, người thiếu tinh tấn thì sanh ra biếng nhác. Thầy tu tập nên giữ gìn sự quân bình, điều độ, chớ đắm trước, chớ buông lung, chớ chấp tướng. Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hy, đảnh lễ rồi lui về. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ thường nhớ ví dụ về cây đàn mà đức Thế Tôn đã dạy, một mình ở chỗ vắng tọa thiền, tư duy lời Phật... (cho đến) sạch hết lậu hoặc, tâm được giải thoát, chứng A-la-hán. Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đắc quả A-la-hán, nội tam cảm nhận sự an lạc giải thoát, liền khởi niệm: "Bây giờ, ta nên đến thăm viếng đức Thế T6n.” Nghĩ thế, Tôn giả liền đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:

Bạch Thế Tôn! Nhờ tu tập theo giáo pháp của Ngài mà con đắc quả A-la- hán, sạch các hữu lậu, việc làm đã xong, đã buông bỏ gánh nặng, được lợi ích cho chính mình, dứt sạch các hữu kiết sử,60 có chánh trí, tâm được giải thoát, ngay lúc ấy con cảm nhận được sự giải thoát trong sáu trường hợp.61 Là sáu trường hợp nào? Đó là, giải thoát do lìa dục, giải thoát do lìa sân hận, giải thoát do viễn ly, giải thoát do dứt sạch khát ái, giải thoát do không chấp thủ và giải thoát do tâm không thất niệm. [0063aOl] Bạch Thế Tôn! Nếu có người nương một ít tín tâm mà nói đã lìa dục, được giải thoát thì điều này không đúng! Đen khi nào tham, sân, si dứt sạch thì mới gọi là đã lìa dục, được giải thoát chân thật. Nếu lại có người nương vào sự hành trì một ít tịnh giới mà nói đã lìa sân hận, được giải thoát thì điều này cũng không đúng! Đen khi nào tham, sân, si dứt sạch thì mới gọi là đã lìa dục, được giải thoát chân thật. Nếu lại có người nương sự tu tập xa lìa lợi dưỡng mà nói đã xa lìa, được giải thoát thì điều này cũng không đúng! Đen khi nào tham, sân, si dứt sạch thì mới gọi là đã lìa dục, được giải thoát chân thật. Dứt sạch tham, sân, si thì cũng gọi là lìa khát ái, cũng gọi là lìa chấp thủ, cũng gọi là lìa thất niệm, được giải thoát. _ N Như thê, bạch Thê Tôn! Nêu các Tỳ-kheo chưa đác quả A-la-hán, chưa sạch các lậu thì đoi với sáu trường hợp này sẽ không được giải thoát. Nếu lại có Tỳ-kheo nào đang ở giai vị Hữu học, chưa được Niết-bàn an lạc tối thượng mà muốn tu tập hướng đến an trụ tâm ấy thì lúc bấy giờ, vị ấy phải thành tựu học giới và thành tựu tu tập căn môn rồi sau đó mới dứt sạch lậu hoặc, được tâm vô lậu giải thoát,... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bấy giờ, vị ấy thành tựu giới của bậc Vô học62 và các căn63 của bậc Vô học. Ví như đứa trẻ sơ sinh nằm ngửa, ngây ngô, khi ấy chỉ thành tựu các căn của một đứa trẻ; sau đó dần dần lớn khôn và thành tựu các căn thì bấy giờ mới thành tựu các căn của người lớn. Người còn ở giai vị Hữu học cũng lại như vậy? chưa được an lạc tối thượng,... (cho đến) thành tựu giới của bậc Vô học, các căn của bậc Vô học.

60 Hữu kiết ():Phiền não dẫn đến tái sanh. 61 Giải thoát lục xứ (cha thānāni adhimutto): So cha thānāni adhimutto hoti, nekkhammādhimutto hoti, pavivekādhimutto hoti, abyāpcyjādhimutto hoti, tanhākkhayādhimutto hoti,

upādānakkhayādhimutto hoti, asammohādhimutto hoti (Vị ấy có sáu chỗ để xu hướng, xu hướng xuất ly, xu hướng viễn ly, xu hướng vô sân, xu hướng ái diệt, xu hướng thủ diệt, xu hướng vo si), HT. Thích Minh Châu dịch. 62 Nguyên tác: Vô học giới ().Theo Thập thượng kinh (01.0001.10. 0054a05), đây chỉ cho giới tụ trong 5 tụ
Vô hoe, gôm Vô học giới tụ, Định tụ, Tuệ tụ, Giải thoát tụ và Giải thoát tri kiến tụ (;). : 63 Nguyên tác: Thành tựu Vô học căn (),chỉ cho
5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ), s. 48.1 -V. 193 ghi: Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm căn (HT. Thích Minh Châu dịch). Xem thêm S. 48.12 - V,200: Với sự toàn diện (samattā), này các Tỷ-kheo, với sự viên mãn năm căn này, là bậc A-la-hán. Yêu nhẹ hơn là bậc Bất hoàn. Yếu nhẹ hơn là bậc Nhất lai. Yếu nhẹ hơn là bậc Dự lưu. yểu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy pháp hành. Yếu nhẹ hơn nữa là bậc Tùy tín hành (HT. Thích Minh Châu dịch).

Khi ấy, mắt thường nhận biết sắc nhưng hoàn toàn không gây chướng ngại tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vì ý đã vững chắc, bên trong đã khéo tu vô lượng giải thoát, thường quán sát sự sanh diệt,... (cho đến) quán vô thường. Tai nhận biết âm thanh, mũi nhận biết mùi hương, lưỡi nhận biết vị, thân nhận biết xúc chạm, ý nhận biết pháp cũng không gây chướng ngại tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vì ý đã vững chắc, bên trong đã khéo tu vô lượng giải thoát, thường quán sát sự sanh diệt. Ví như gần thôn ấp có núi đá lớn không bị cắt xẻ? không bị phá hoại, không bi xuyên thủng, hoàn toàn kín mít thì giả sử có gió từ bốn phương thổi đến cũng không thể nào làm lay động và cũng không the nào xuyên qua núi. Bậc Vô học ấy cũng giống như vậy, mắt thường nhận biết sắc,... (cho đến) ý thường nhận biết pháp, cũng không gây chướng ngại tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vì ý đã vững chắc, bên trong đã khéo tu vô lượng giải thoát, thường quán sát sự sanh diệt. Bấy giờ, Nhị Thập ức Nhĩ trình lại bằng kệ tụng: Lìa dục, tâm giải thoát, Không giận, cũng như vậy, Xa lia, tâm giải thoát, Tham ái trọn không còn, Giải thoát mọi chấp thủ, Vày không thất niệm. Biết rõ nhập xứ sanh, ở đó? tâm giải thoát, Khi tâm đã giải thoát, Ý Ty-kheo vắng lặng, Các việc đã làm xong, Chẳng cần làm thêm nữa. Như núi đá lớn kia, Gió bão không lay động, Sắc, thanh, hương, vị? xúc, Và các pháp tốt xấu. Sáu nhập xứ thường đối, Cũng không động tâm kia, Tâm luôn trụ vững chắc, Quán đúng tính sanh diệt. [0063bl0] Khi Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nói pháp này, bậc Đạo sư trong lòng hoan hỷ? các vị Phạm hạnh đa văn nghe Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nói đều rất hoan hỷ. Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ nghe Phật thuyết pháp xong, hoan hỷ và tùy hỷ lễ Phật rồi lui ra. Lúc ấy, Thế Tôn biết Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ đã rời khỏi, liền bảo các Tỳ-kheo: -Người tâm khéo giải thoát nên nói được như thế. Như Nhị Thập ức Nhĩ dùng trí tuệ mà nói, không tự cao cũng không khinh người, nói đúng với đạo lý; không phải như những người tăng thượng mạn, nói không đúng đạo lý, tự khen mình được pháp hơn người thì chỉ tự chuốc lấy tổn hại. ***

255. BÀ-LA-MÔN LỖ-HÊ-GIÀ64 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trú trong hang A-luyện-nhã?65 thôn Di Hầu/6 bên sông Thấp-ma-đà? thuộc nước A-bàn-đề.67 Tôn giả được Bà-la- môn Lỗ-hê-già6869 cung kính cúng dường theo pháp của bậc A-la-hán. Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Ca-chiên-diên đắp y, ôm bát vào thôn Di Hầu theo thứ lớp khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về cất y bát, rửa chân rồi vào thất tọa thiền. Khi ấy có các đệ tử nhỏ tuổi của Bà-la-môn Lỗ-hê-già đi nhặt củi, đến gần hang của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên rồi cười nói5 đùa giỡn: Trong hang này có Sa-môn trọc đầu ở, thân thể đen điu, không phải là người tôn quý ở thế gian. Tại sao Bà-la-môn Lỗ-hê-già lại phải tôn trọng cúng dường như đoi với bậc A-la-hán? Từ trong thất, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với các thiếu niên: Này các chú nhỏ, các chú chớ làm ồn! Các thiếu niên trả lời: Vâng, chúng con không dám nói nữa! Tôn giả khuyên ba lần như thế, nhưng rồi bọn trẻ vẫn cứ như vậy. [0063c01] Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền ra ngoài cửa nói với các thiếu niên: —Này các chú nhỏ, các chú đừng làm ồn nữa. Ta sẽ thuyết pháp cho các chú, các chú hãy lắng nghe! Các thiếu niên nói: -Thưa vâng, xin ngài thuyết pháp, chúng con sẽ lắng nghe và lãnh thọ! Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kệ: Xưa kia Bà-la-môn, Tu tập giới thắng diệu, 69 Vui trong thiền chân thật. Được sanh Túc mạng trí,c? Thường trụ tâm từ bi, Đóng hết cửa các căn, Điều phục lỗi của miệng, Xưa tu tập như the. Nay bỏ hạnh chân thật, Tích chứa việc hư dối, Giữ chặt tánh buông lung, Theo các căn sáu cảnh,

64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.255. 0063b19. Tham chiếu: s. 35.132 - IV. 116. 65 A-luyện-nhã quật araññakutikā, nơi ở đơn sơ hang, căn nhà vách đất trong rừng. 66 Di Hầu thất Makkarakata, một thị trấn ở A-bàn-đề Avanti. 67 A-bàn-đề quốc H, Avanti: Nước A-bàn-đề. 68 Lỗ-hê-già ,Lohicca. 69 Túc mạng trí Trí biết được sanh mạng của đời trước.

Đói khát ở gò mả? Tắm, tụng kinh ba bộ,70 Mà không giữ gìn căn, Giống như mộng được báu. Bện tóc, khoác áo da, Không trộm, thân bết tro, Áo thô, làm thân xấu, Cầm gậy, ôm bình nước, 9 \ Giả dạng Bà-la-môn? Đê mong câu lợi dưỡng. Khéo nhiếp hộ thân mình, Lắng sạch, lìa trần cấu, Không não hại chúng sanh, Là đạo Bà-la-môn. Nghe xong, các thiêu niên Bà-la-môn tức giận không vui, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: "Ngài đã hủy báng kinh điển của chúng tôi, hủy báng những điều kinh nói, nhục mạ Bà-lam6n." Nói xong, chúng ôm củi trở về chỗ Bà-la-môn Lỗ-hê-già rồi thưa: Thầy biết không, ông Ma-ha Ca-chiên-diên kia đã phỉ báng kinh điển của chúng ta, chê bai lời dạy của những vị thầy Bà-la-môn, nhục mạ đạo Bà-la-môn. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nói với chúng đệ tử thiếu niên: Các con đừng nói vậy! Vì sao như thế? Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên đầy đủ giới đức, không lý nào lại phỉ báng kinh điển, chê bai lời dạy của những vị thầy Bà-la-môn? nhục mạ đạo Bà-la-môn? 9 r Các thiêu niên thưa: Thầy không tin lời chúng con thì cứ đến đó xem. Khi ấy, Bà-la-môn Lỗ-hê-già không tin lời bọn trẻ nói, liền đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên. Sau khi cùng nhau hỏi thăm xong, Bà-la-môn Lỗ-hê- già ngôi sang một bên, nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên: - Mấy chú đệ tử nhỏ của tôi có đến đây không? [0064a0l] Đáp rằng:

-Chúng có đến! Bọn trẻ có cùng ngài nói gì không? —Có cùng nhau nói chuyện! Lỗ-hê-già nói: Những lời ngài đã nói với bọn trẻ, xin ngài có thể vì tôi mà lặp lại! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói lại đầy đủ. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nghe xong cũng tức giận, tâm không vui, nói với Tôn giả Ca-chiên-diên: -Lúc nãy tôi không tin lời bọn trẻ, bây giờ thì đúng là ngài đã phỉ báng kinh điển Bà-la-môn, chê bai lời dạy của những vi thay Bà-la-môn, nhục mạ đạo Bà-la-môn. Nói lời ấy xong, ông im lặng giây lát rồi lại nói với Tôn giả Ca-chiên-diên:

70 Nguyên tác: Tam dục tụng tam điển :Trước khi tụng kinh Vệ-đà phải tám rửa sạch sẽ. Ba bộ kinh ở đây là chỉ cho 3 bộ Vệ-đà.

Ngài nói về "cửa." Thế nào là "cửa"? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp: Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn! Ông hỏi rất đúng pháp. Tôi sẽ nói cho ông nghe về cái "cửa." Này Bà-la-môn! Mắt là cửa, vì thấy được sắc; tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa, vì nhận biết các pháp. Bà-la-môn nói: Hay thay! Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi vê cửa, ngài liên nói vê cửa. Như những gì ngài đã nói, việc không giữ gìn cửa. Vậy thế nào là không giữ gìn cửa, thưa ngài? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: -Lành thay! Lành thay! Bà-la-môn! Ông hỏi về việc không giữ gìn cửa, câu hỏi này rất đúng pháp, tôi sẽ nói cho ông nghe về việc không giữ gìn cửa. Này Bà-la-môn! Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, khi mắt thấy sắc rồi, với sắc khả ái thì khởi tâm duyên theo và đắm trước, với sắc không khả ái thì khởi lòng sân hận. Vì họ không tu tập thân niệm xứ nên không biết như thật về tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Họ khởi lên đủ các loại pháp ác, bất thiện, không thể được Vô dư Niết"bàn?71 làm trở ngại và không có đủ tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì không đầy đủ tâm giải thoát, tuệ giải thoát cho nên thân họ đầy những hạnh xấu, không thể dừng nghi, tâm không tĩnh lặng. Vì tâm không tĩnh lặng nên đối với các căn môn không thể điều phục, không thể gìn giữ, không thê tu tập. Như măt thây săc9 tai nghe tiêng, mũi ngửi mùi, lưỡi nêm vị, thân xúc chạm, ý nhận biêt pháp cũng giông như vậy. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nói: Hay thay! Hay thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về việc không giữ gìn cửa, ngài liền nói cho tôi nghe về việc không giữ gìn cửa. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Thế nào lại gọi là khéo giữ gìn cửa? Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Lành thay! Lành thay! Ông hỏi tôi về nghĩa khéo giữ gìn cửa. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Tôi sẽ nói cho ông nghe về nghĩa khéo giữ gìn cửa. Vị Thánh đệ tử đa văn khi mắt thấy sắc, với sắc khả ái thì không khởi tâm duyên theo và đắm trước, với sắc không khả ái thì không khởi lòng sân hận, thường thu nhiếp tâm mình trụ vào thân niệm xứ nên biết như thật về vô lượng tâm giải thoát và tuệ giải thoát, những pháp ác, bất thiện tan biến hết, có đủ tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Tâm giải thoát và tuệ giải thoát đầy đủ rồi thì những hạnh xấu của thân xúc đều dừng nghỉ, tâm được chánh niệm. Đó gọi là cửa thứ nhất khéo điều phục, gìn giữ việc tu tập. Như mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vi, thân xúc chạm, ý nhận biết pháp cũng giống như vậy.

71 Nguyên tác: Vô dư diệt tận .

[0064b07] Bà-la-môn Lỗ-hê-già nói: Hay thay! Hay thay! Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về nghĩa gìn giữ cửa, ngài liền nói cho tôi nghe về nghĩa gìn giữ cửa. Giống như người đi tìm cây thuốc độc lại được cam lộ. Nay tôi cũng như vậy, với tâm giận dữ đi đến ngồi đây lại được ngài rưới nước mưa Diệu pháp thấm mát thân tôi, tôi như được tắm nước mưa cam lộ. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Trong nhà nhiều việc, bây giờ tôi xin cáo từ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói: Bà-la-môn! Ông nên biết đúng thời. Bà-la-môn Lỗ-hê-già nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên giảng nói xong đã hoan hỷ và tùy hỷ5 đứng dậy ra về.72

72 Bản Hán, hết quyển 9.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.